

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày 19-11-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hùng Chương.

Bà Trần Thị Lãm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị M1, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Văn A, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 04-9-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà M trình bày:

Vào ngày 22/02/2018 dl bà M1 có đến nhà bà mượn bà số tiền là 150.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và thỏa thuận thời hạn trả là 10 ngày, lãi suất theo ngân hàng nhà nước quy định, bà có ghi giấy mượn tiền với nội dung “*tôi tên Huỳnh Thị M1, SN: 1971, ngụ ấp T, xã L, BC. Tôi có mượn của cô M số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng để đáo hạn ngân hàng. Hẹn 10 ngày trả lại. Nếu không hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 22/2/2018dl*”, sau đó, bà có đưa cho bà M1 xem và bà M1 có ký và ghi họ tên vào chỗ người mượn. Hết thời hạn 10 ngày, bà M1 không trả cho bà theo như thỏa thuận, bà có đến nhà bà M1 đòi nợ nhiều lần, nhưng bà M1 không trả và hứa với bà là qua bên Đài Loan nhà con gái bà M1 làm khoảng 3 tháng về sẽ trả cho bà hết số tiền 150.000.000 đồng, hết thời hạn 3 tháng, bà có đến nhà bà M1 nhưng bà M1 không trả, có lần bà đến nhà bà M1 đòi tiền thì gặp chồng của bà M1 là ông Lê Văn A và con gái và ông A có nói để bà M1 qua bên nhà con gái bên Đài Loan làm việc về thì sẽ trả cho bà hết số tiền 150.000.000 đồng, từ đó tới nay bà M1 không trả cho bà số tiền nào hết. Do đó, ngày 04/9/2019 bà có làm đơn khởi kiện vợ chồng bà M1 ra Tòa án nhân dân huyện B, bà yêu cầu bà M1 và ông A cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo pháp luật quy định từ ngày 22/02/2018 dl tới khi giải quyết xong vụ án. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bà M thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà M1 trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu không trả lãi, không yêu cầu ông A có trách nhiệm liên đới cùng bà M1 trả số tiền cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27-9-2019, bà Huỳnh Thị M1 trình bày:

Vào cuối năm 2016 (AL) tức đầu năm 2017 dương lịch cụ thể ngày tháng năm nào bà không nhớ rõ, bà có mượn của bà M số tiền là 15.000.000 đồng, lãi suất là 150.000 đồng/1 triệu/tháng. Bà đóng lãi mỗi tháng là 2.250.000 đồng, đóng được tiền lãi là 3 tháng. Sau đó, bà có tiếp tục mượn bà M 20.000.000 đồng. Tổng số tiền mượn là 35.000.000 đồng. Bà đóng cho bà M được 1 tháng tiền lãi với số tiền 5.250.000 đồng, 01 tháng sau bà tiếp tục mượn bà M số tiền 30.000.000 đồng. Cả 3 lần mượn nợ, bà M đều có viết giấy nợ và có chữ ký của bà và giấy nợ này hiện tại bà M đang giữ. Tổng cộng bà mượn bà M là 65.000.000 đồng và bà đóng lãi cho bà M mỗi tháng là 9.750.000 đồng và bà đã đóng lãi cho bà M tới tháng 10 năm 2017 dl do điều kiện khó khăn bà không thể tiếp tục đóng lãi cho bà M tiếp nữa. Mỗi lần đóng lãi cho bà M hai bên không có ghi giấy tờ gì hết. Sau đó bà ngưng đóng lãi cho bà M khoảng 4-5 tháng vì bà không có khả năng đóng tiếp tiền lãi nữa. Nên vào ngày 22 tháng 02 năm 2018 dl, bà M có viết giấy nợ là bà có nợ số tiền 150.000.000 đồng và kêu bà ký tên

vào giấy nợ bà không đồng ý ký, bởi vì: theo bà nợ gốc và lãi khoảng 100.000.000 đồng, bà M nói sẽ trừ lại số tiền 50.000.000 đồng, còn lại số tiền là 100.000.000 đồng và bà M có viết là trừ ra số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng vào phía dưới tờ giấy nợ, việc này có chị 3 của bà M chứng kiến nên bà mới đồng ý ký tên vào giấy nhận nợ, từ đó tới nay bà chưa đóng được số tiền nào cho bà M hết. Sau đó, bà M đòi nợ nhiều lần, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà không có khả năng trả nợ. Ngày 04/9/2019 bà M kiện yêu cầu vợ chồng bà cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 22/02/2018 dl tới khi giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa, Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà M, bà đồng ý trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, bà xin trả dần theo khả năng của bà. Việc vay mượn này là do một mình bà mượn của bà M, chồng bà là ông A không biết, nên nay bà không yêu cầu ông A cùng có nghĩa vụ trả, một mình bà chịu trách nhiệm trả số tiền này cho bà M. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04-10-2019, ông Lê Văn A trình bày:

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị M1, bà M yêu cầu ông và bà M1 cùng có trách nhiệm trả số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng là ông không đồng ý. Vì việc vay mượn tiền này là do bà M1 và bà M tự thực hiện với nhau, khi bà M cho bà M1 mượn tiền ông hoàn toàn không biết, bà M1 cũng không nói cho ông biết. Nên nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà M. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông A có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M về “*tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bà Huỳnh Thị M1. Buộc bà M1 có trách nhiệm trả số tiền vay 150.000.000 đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu bà M1 trả tiền lãi. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị M, ông Lê Văn A không phải chịu án phí.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn là bà Huỳnh Thị M1 có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã L, huyện B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết ông A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại Khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ tranh chấp giữa bà M và bà M1 là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Ngày 22/02/2018 dl bà M có cho bà M1 mượn số tiền 150.000.000 đồng. Bà M và bà M1 có lập giấy nhận nợ do bà M1 ký tên trên giấy, tổng cộng là 150.000.000 đồng, khi cho mượn không thỏa thuận lãi suất, chỉ ghi mượn để trả nợ ngân hàng, thời hạn 10 ngày sẽ trả lại, nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Bà M có đến nhà đòi nhiều lần, nhưng bà M1 vẫn không trả. Hiện tại, bà M1 còn nợ lại bà M số tiền 150.000.000 đồng. Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu bà M1 có trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà M không yêu cầu bà M1 trả tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà M1 không thừa nhận là còn nợ lại bà M số tiền 150.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận còn nợ là 100.000.000 đồng và bà chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 100.000.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M thì thấy rằng: Hợp đồng vay tài sản giữa bà M và bà M1 là hợp đồng vay có kỳ hạn 10 ngày, không lãi suất, không có thế chấp tài sản. Hình thức của hợp đồng viết giấy tay, bà M1 thừa nhận có ký và ghi họ tên vào chỗ người mượn, không có công chứng, chứng thực, không có người làm chứng. Vào thời điểm ký giấy nợ bà M1 là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên hợp đồng được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà M1 không thừa nhận có nợ bà M số tiền 150.000.000 đồng mà chỉ thừa nhận có nợ là 100.000.000 đồng nhưng bà M1 không có giấy tờ gì chứng minh cho yêu cầu của mình mà chỉ trình bày bằng miệng, do đó không có cơ sở chấp nhận. Nên căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc bà M1 nêu ra là không có cơ sở.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Huỳnh Thị M1 có trách nhiệm trả cho bà M số tiền nợ: 150.000.000

(một trăm năm mươi triệu) đồng. Không yêu cầu trả lãi, không yêu cầu ông A có trách nhiệm liên đới cùng bà M1 trả số tiền cho bà.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị M1 phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470, 688 Bộ Luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bà Huỳnh Thị M1.

Buộc bà Huỳnh Thị M1 có nghĩa vụ trả cho bà M số tiền gốc là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị M1 phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu số 0022150 ngày 04 tháng 9 năm 2019.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà M, bà M1 có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã L (lưu);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Hoàng Mai